TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng- Thư ký Tòa án nhân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 2003; Căn cước công dân số: 064303004288; địa chỉ: Hộ dân L, tổ B, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Đình N, sinh năm 1997; Căn cước công dân số: 038097028464; địa chỉ: Tổ A, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Dương Đình N sau một thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2023. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm

việc tại địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng không có sự tôn trọng, không có sự tin tưởng nhau. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết mà còn trầm trọng hơn. Ngoài ra ông N còn sử dụng trái phép chất ma túy và hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số D - Công an Thành phố H dẫn đến việc bà H không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, cháu Dương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2024. Hiện bà H đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Dương Đình N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại bản tự khai ngày 15 tháng 7 năm 2026 trình bày:

Bị đơn thống nhất như trình bày của nguyên đơn về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Ông N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con thống nhất như trình bày của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Lê Thị H và ông Dương Đình N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung với bị đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Dương Đình N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2023, được cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 42 ngày 16/11/2023 nên quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Dương Đình N là hợp pháp.

Bà Lê Thị H xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng, ông N không chăm lo cho gia đình, mẫu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà H không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông N. Bản thân ông N thống nhất mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi ly hôn ông N và bà H thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên có căn cứ giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Dương Đình N (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 16/11/2023).

2. Về con chung: Ông Dương Đình N giao con chung tên Dương Ngọc Gia H1, sinh ngày 22/01/2024 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H không yêu cầu ông Dương Đình N cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông Dương Đình N và bà Lê Thị H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0038887 ngày 18/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PTHADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND phường Bình Cơ, Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết